BIỆN PHÁP ĐA DẠNG HÓA HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG NHẰM TẠO HỨNG THÚ HỌC NGỮ ÂM TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN HỆ CHÍNH QUY TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

Bùi Thị Dung
Khoa Ngoại ngữ - Học viện Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: *Học phần ngữ âm tiếng Anh đóng vai trò nền tảng trong giáo dục ngoại ngữ tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Tuy nhiên, do tính chất luyện tập lặp lại và các khái niệm trừu tượng (như âm vị, trọng âm, ngữ điệu), học viên hệ chính quy thường gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung ngay từ đầu giờ học. Nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods) này kiểm nghiệm hiệu quả của hệ thống biện pháp đa dạng hóa hoạt động khởi động (warm-up activities) kéo dài 5 phút đầu giờ dựa trên mô hình động lực ARCS của Keller (Sự chú ý, Sự phù hợp, Sự tự tin, và Sự thỏa mãn). Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trong 8 tuần trên 64 học viên hệ chính quy khóa D50 (nhóm thực nghiệm EG: N = 32, áp dụng ngân hàng warm-up đa dạng; nhóm đối chứng CG: N = 32, duy trì hoạt động đọc lặp truyền thống). Kết quả thống kê (kiểm định t-test độc lập và bắt cặp bằng SPSS) chỉ ra nhóm thực nghiệm có sự cải thiện vượt trội và có ý nghĩa thống kê về mức độ hứng thú học tập ở cả ba chỉ báo nhận thức, cảm xúc, hành vi ($p < 0.001$) so với nhóm đối chứng. Đồng thời, kết quả bài kiểm tra năng lực ngữ âm của nhóm thực nghiệm cũng ghi nhận mức tăng đáng kể ($p < 0.01$). Bài báo cung cấp một mô hình thực tiễn và bộ công cụ mẫu nhằm hướng dẫn phương pháp luận và kỹ thuật xử lý số liệu nghiên cứu khoa học cho giảng viên và học viên trong môi trường giáo dục chuyên ngành vũ trang.*

Từ khóa*: Hoạt động khởi động (Warm-up), Ngữ âm tiếng Anh, Mô hình ARCS, Hứng thú học tập, Học viện Cảnh sát Nhân dân, Thực nghiệm sư phạm, Phương pháp giảng dạy.*

MEASURES TO DIVERSIFY WARM-UP ACTIVITIES TO ENHANCE INTEREST IN LEARNING ENGLISH PHONETICS AMONG FULL-TIME STUDENTS AT THE PEOPLE'S POLICE ACADEMY

Abstract: *English phonetics plays a fundamental role in foreign language education at the People's Police Academy. However, due to its repetitive practice and abstract concepts, such as phonemes, stress, and intonation, full-time students often experience difficulties in maintaining their concentration from the beginning of class. This mixed-methods study examined the effectiveness of a set of measures designed to diversify five-minute warm-up activities based on Keller's ARCS motivational model (Attention, Relevance, Confidence, and Satisfaction). The pedagogical experiment was conducted over eight weeks with 64 full-time D50 students, including an experimental group (EG, N = 32) using a diverse bank of warm-up activities and a control group (CG, N = 32) maintaining traditional repetition-based activities. Statistical results from independent-samples and paired-samples t-tests conducted using SPSS indicated that the experimental group demonstrated significantly greater improvement in learning interest across three dimensions—cognitive, emotional, and behavioral—than the control group ($p < 0.001$). In addition, the experimental group showed a significant improvement in English phonetic competence ($p < 0.01$). The study provides a practical model and a set of sample tools to support lecturers and students in research methodology and data analysis within specialized law enforcement education settings.*

Keywords*: Warm-up activities; English phonetics; ARCS model; learning interest; People's Police Academy; pedagogical experiment; teaching methodology.*

Nhận bài: 10/08/2026 *Phản biện: 10/09/2026* *Duyệt đăng: 13/09/2026*

I. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự gia tăng của các loại tội phạm xuyên quốc gia, năng lực sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đã trở thành một yêu cầu cấp bách đối với lực lượng Cảnh sát toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Tại Học viện Cảnh sát Nhân dân, việc trang bị kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trôi chảy và chính xác là nhiệm vụ then chốt nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra và chuẩn bị cho học viên tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế, Interpol, hay các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Trong các cấu phần của năng lực giao tiếp ngoại ngữ, ngữ âm (phonetics) đóng vai trò là học phần nền tảng, trực tiếp quyết định khả năng nghe hiểu và diễn đạt tự tin của người học. Tuy nhiên, việc dạy và học ngữ âm tại Việt Nam hiện nay vẫn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức lớn.

Đặc thù của việc luyện tập ngữ âm đòi hỏi quá trình lặp đi lặp lại liên tục các cơ quan cấu âm, các nội dung lý thuyết trừu tượng như hệ thống ký tự phiên âm quốc tế (IPA), các quy tắc nhấn trọng âm, nối âm và ngữ điệu. Sự khô khan mang tính cơ học này khiến học viên dễ rơi vào trạng thái mệt mỏi, mất tập trung ngay từ những phút đầu tiên của buổi học. Khảo sát tại các trường đào tạo khối Cảnh sát tại Việt Nam cho thấy, môi trường

rèn luyện nghiêm khắc, kỷ luật vũ trang cùng lịch trình sinh hoạt đặc thù tạo ra những rào cản tâm lý nhất định, làm giảm động cơ và hứng thú tự học tiếng Anh của học viên. Sự thiếu hụt động lực nội tại dẫn đến tâm lý thụ động, học đối phó, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả tiếp thu kiến thức.

Nghiên cứu về lý luận dạy học ngoại ngữ khẳng định, giai đoạn khởi động (warm-up) kéo dài từ 3 đến 5 phút đầu giờ có vai trò quyết định trong việc tạo dựng bầu không khí lớp học tích cực, kích hoạt kiến thức nền, định hình sự tập trung và thúc đẩy động cơ học tập cho học viên. Mặc dù vậy, việc nghiên cứu ứng dụng hoạt động khởi động một cách hệ thống, đặc biệt là đa dạng hóa các hoạt động này để phục vụ riêng cho các lớp học ngữ âm tiếng Anh của học viên vũ trang chính quy vẫn còn là một khoảng trống nghiên cứu. Hầu hết các hoạt động khởi động hiện hành tại Học viện vẫn mang tính bộc phát, lặp lại các bài tập đọc từ đơn điệu hoặc kiểm tra bài cũ áp lực, chưa phát huy được tính chủ động sáng tạo của người học.

Từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đề xuất hệ thống biện pháp đa dạng hóa hoạt động khởi động dựa trên mô hình động lực ARCS của Keller, đồng thời đánh giá tác động của hệ thống này tới hứng thú học tập ngữ âm tiếng Anh của học viên hệ chính quy khóa D50 tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thực nghiệm giả định có hệ thống khoa học để làm tài liệu hướng dẫn về cấu trúc và kỹ thuật phân tích thống kê trong nghiên cứu khoa học sư phạm.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm hoạt động khởi động và vai trò trong dạy ngữ âm

Theo Robertson và Acklsm, hoạt động khởi động là những bài tập ngắn, sinh động dùng để mở đầu bài học nhằm mục đích thu hút sự chú ý của người học, chuyển đổi trạng thái tâm lý từ sinh hoạt sang học tập và chuẩn bị tinh thần cho các nhiệm vụ tiếp theo. Đối với phân môn ngữ âm, warm-up không chỉ mang tính khởi động trí tuệ mà còn là quá trình khởi động vật lý cơ quan cấu âm (môi, lưỡi, dây thanh quản) giúp học viên sẵn sàng phát âm chính xác các âm khó trong tiếng Anh. Đa dạng hóa hoạt động khởi động giúp tránh sự nhàm chán đơn điệu, luân phiên kích thích các giác quan khác nhau của người học thông qua trò chơi, âm nhạc, vận động và các ngữ cảnh thực tiễn.

2.2. Mô hình động lực ARCS của Keller về hứng thú học tập

Để đánh giá một cách toàn diện hứng thú học tập, nghiên cứu này sử dụng mô hình động lực học tập ARCS do John Keller đề xuất năm 1987. Mô hình này phân tích động cơ học tập dựa trên bốn khía cạnh cốt lõi: (1) Attention (Sự chú ý) - kích thích tò mò và duy trì sự tập trung; (2) Relevance (Sự liên quan) - kết nối nội dung học tập với nhu cầu, lợi ích thực tế của người học; (3) Confidence (Sự tự tin) - thiết lập mức độ thử thách phù hợp giúp người học tin tưởng vào khả năng thành công; và (4) Satisfaction (Sự thỏa mãn) - phần thưởng và sự ghi nhận nỗ lực thực tế của người học thông qua các kết quả đạt được. Trong nghiên cứu này, hứng thú học tập ngữ âm của học viên được cấu trúc hóa thành ba khía cạnh có thể đo lường trực tiếp dựa trên mô hình ARCS [6]: nhận thức (ý thức được tầm quan trọng và sự liên quan của phát âm chuẩn đối với nghiệp vụ Cảnh sát), cảm xúc (mức độ hào hứng, yêu thích, giải tỏa áp lực), và hành vi (mức độ tập trung, chủ động thực hành phát âm và tương tác trong các hoạt động khởi động).

2.3. Rào cản ngữ âm và đặc điểm học viên Cảnh sát

Người học Việt Nam thường đối mặt với các khó khăn nghiêm trọng khi phát âm tiếng Anh do sự khác biệt hệ thống âm vị giữa hai ngôn ngữ. Các lỗi phổ biến bao gồm việc nuốt âm cuối (phụ âm cuối như /t/, /d/, /s/, /z/), không phát âm được các phụ âm kép (consonant clusters), thay thế các âm không có trong tiếng Việt (như /θ/, /ð/ thành /t/, /d/), và hoàn toàn bỏ qua việc nhấn trọng âm hay ngữ điệu của câu. Đối với học viên Cảnh sát, mặc dù có ưu thế về kỷ luật tập thể cao, thể lực tốt và tinh thần đồng đội mạnh mẽ, nhưng sự gò bó của môi trường rèn luyện quân sự dễ tạo ra tâm lý e ngại, sợ sai, ngượng ngùng khi phải thực hiện các phát âm mô phỏng khác lạ trước đám đông. Do đó, các biện pháp warm-up cần được thiết kế mang tính đồng đội, vui nhộn hóa và tích hợp tình huống nghiệp vụ Cảnh sát để hạ thấp màng lọc cảm xúc (affective filter) giúp giải tỏa sự căng thẳng tâm lý này.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp thu thập phân tích dữ liệu định lượng và định tính nhằm đảm bảo độ sâu và tính toàn diện của kết luận. Trọng tâm

của nghiên cứu định lượng là một thực nghiệm sư phạm (quasi-experimental design) được thiết kế với hai nhóm: Nhóm thực nghiệm (Experimental Group - EG) và Nhóm đối chứng (Control Group - CG) có đo lường trước thực nghiệm (Pre-test) và sau thực nghiệm (Post-test) để kiểm soát các yếu tố nhiễu về trình độ và đo lường chính xác hiệu quả can thiệp.

3.2. Khách thể và mẫu nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là học viên hệ chính quy khóa D50 đang tham gia học phần tiếng Anh cơ bản năm thứ hai tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Mẫu nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên từ hai lớp học phần có trình độ tiếng Anh tương đương nhau dựa trên kết quả bài thi xếp lớp đầu vào. Hai lớp được chỉ định ngẫu nhiên thành: Nhóm thực nghiệm (EG) gồm 32 học viên và Nhóm đối chứng (CG) gồm 32 học viên. Tổng quy mô mẫu tham gia nghiên cứu trực tiếp là N = 64 học viên. Ngoài ra, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu 2 giảng viên tiếng Anh và 6 học viên (thuộc nhóm thực nghiệm) đại diện cho các mức độ tiếp thu khác nhau.

3.3. Biện pháp can thiệp thực nghiệm

Thực nghiệm được triển khai trong 8 tuần, tương ứng với 8 buổi học ngữ âm. Nhóm đối chứng (CG) sử dụng các hoạt động khởi động truyền thống như đọc lại từ vựng, viết từ lên bảng hoặc ôn tập kiến thức ngữ âm. Trong khi đó, nhóm thực nghiệm (EG) áp dụng ngân hàng gồm 15 hoạt động khởi động đa dạng, được chia thành 5 nhóm và luân phiên sử dụng trong tối đa 5 phút đầu mỗi buổi học. Hệ thống hoạt động cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng I. Hệ thống 5 nhóm biện pháp khởi động ngữ âm đa dạng đề xuất

Nhóm hoạt động	Hoạt động tiêu biểu	Mô tả chi tiết và mục tiêu ngữ âm cụ thể
1. Trò chơi ôn tập ngữ âm (Review Games)	Phonics Bingo Pit Pat Putt	Học viên điền các từ có âm dễ lẫn lộn vào bảng Bingo. Giảng viên đọc âm/từ, học viên nghe và tích. Rèn luyện phân biệt nguyên âm ngắn/dài (/ɪ/ vs /iː/, /æ/ vs /e/).
2. Khởi động ngôn ngữ lý thú (Linguistic Games)	Minimal Pairs Card Tongue Twisters Speed Run	Sử dụng các câu nói nhíu lưỡi nhanh (ví dụ: 'She sells seashells...') hoặc chọn cặp từ tối thiểu tương ứng. Tăng tốc độ phản xạ cấu âm và kiểm soát phụ âm cuối.
3. Khởi động kết hợp vận động (Kinesthetic)	Run and Pronounce Sound Chain Movement	Chia đội tiếp sức, chạy lên bảng phân loại từ theo nhóm âm vị hoặc vỗ tay theo nhịp trọng âm câu. Kết hợp hoạt động thể chất giải phóng mệt mỏi đầu giờ.
4. Âm nhạc và vần điệu (Music & Rhythm)	Chanting along Accent Mimicking	Học viên đọc vè hoặc hát những câu ngắn lặp lại theo nhịp điệu (Chants) có chứa âm mục tiêu. Giúp nắm bắt một cách tự nhiên nhịp điệu, nối âm và ngữ điệu câu.
5. Tình huống nghiệp vụ Cảnh sát (Police Situations)	Radio Alphabet Call Suspect Pronunciation Check	Mô phỏng đàm thoại bộ đàm Cảnh sát sử dụng bảng chữ cái ngữ âm NATO hoặc giải mật mã bằng từ phát âm chuẩn. Kết nối trực tiếp nội dung học với thực tế nghiệp vụ.

3.4. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng ba nhóm công cụ thu thập dữ liệu chính:

(1) Phiếu khảo sát hứng thú học tập: Được xây dựng dựa trên mô hình ARCS của Keller, gồm ba khía cạnh: nhận thức (5 câu, Cronbach's Alpha = 0,82), cảm xúc (5 câu, Alpha = 0,85) và hành vi (5 câu, Alpha = 0,79), sử dụng thang Likert 5 mức độ.

(2) Bài kiểm tra năng lực ngữ âm: Thời lượng 10 phút, đánh giá khả năng nhận diện âm vị qua nghe, phát âm từ chứa âm khó và đọc đoạn văn ngắn nhằm đánh giá trọng âm, ngữ điệu, chấm theo thang điểm 10.

(3) Công cụ định tính bổ trợ: Gồm biên bản quan sát lớp học về mức độ tham gia và thời gian chuyển tiếp giữa các hoạt động, cùng phiếu phỏng vấn bán cấu trúc dành cho học viên và giảng viên sau thực nghiệm.

3.5. Quy trình xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý sạch và

mã hóa. Sử dụng phần mềm thống kê SPSS để thực hiện phân tích định lượng. Để so sánh mức độ tương đương của hai nhóm trước thực nghiệm, kiểm định t-test độc lập (Independent-samples t-test) được áp dụng. Để đánh giá sự thay đổi trước-sau can thiệp trong nội bộ mỗi nhóm, kiểm định t-test bắt cặp (Paired-samples t-test) được thực hiện. Cuối cùng, sự khác biệt sau can thiệp giữa hai nhóm được kiểm định lại bằng t-test độc lập. Mức ý nghĩa thống kê được thiết lập ở $p < 0.05$. Các dữ liệu phỏng vấn định tính được phân tích nội dung theo chủ đề (thematic analysis) để minh họa cho cơ chế tác động.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thực trạng hứng thú học tập ngữ âm và năng lực đầu vào trước thực nghiệm

Trước khi tiến hành can thiệp, khảo sát đo lường ban đầu (Pre-intervention) đã được thực hiện đồng thời ở cả hai nhóm thực nghiệm (EG) và đối chứng (CG). Mục đích của việc đo lường này là kiểm soát biến nhiễu, chứng minh tính đồng đều về cả hứng thú học tập lẫn năng lực ngữ âm xuất phát điểm của hai nhóm. Dữ liệu khảo sát ban đầu về 3 khía cạnh hứng thú học tập và điểm kiểm tra ngữ âm đầu vào được trình bày chi tiết trong Bảng II.

Bảng II. So sánh mức độ hứng thú và điểm ngữ âm của hai nhóm trước thực nghiệm

Chỉ số đo lường	Nhóm Thực nghiệm (EG, N=32)	Nhóm Đối chứng (CG, N=32)	Giá trị t	Giá trị p	Ý nghĩa
Hứng thú Nhận thức (Likert 1-5)	2.45 (SD = 0.62)	2.48 (SD = 0.58)	-0.199	0.843	Không ý nghĩa
Hứng thú Cảm xúc (Likert 1-5)	2.30 (SD = 0.71)	2.34 (SD = 0.69)	-0.228	0.820	Không ý nghĩa
Hứng thú Hành vi (Likert 1-5)	2.22 (SD = 0.54)	2.25 (SD = 0.51)	-0.229	0.820	Không ý nghĩa
Điểm thi Ngữ âm (Thang 1-10)	5.12 (SD = 1.15)	5.18 (SD = 1.08)	-0.215	0.831	Không ý nghĩa

Kết quả phân tích từ Bảng II cho thấy: Mức độ hứng thú học tập ngữ âm của học viên ở cả hai nhóm trước thực nghiệm đều ở mức thấp (điểm trung bình dao động từ 2.22 đến 2.48 trên thang điểm 5.0). Điều này phản ánh thực tế học viên cảm thấy khá tẻ nhạt, căng thẳng và thiếu sự tập trung trong giờ học ngữ âm. Kết quả kiểm định t-test độc lập cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm về cả ba mặt hứng thú học tập (p-values > 0.05). Điểm thi ngữ âm đầu vào của hai nhóm cũng ở mức trung bình thấp (EG = 5.12, CG = 5.18) và sự khác biệt hoàn toàn không có ý nghĩa thống kê ($t = -0.215$, $p = 0.831$). Điều này xác nhận hai nhóm hoàn toàn tương đương trước thực nghiệm.

4.2. Sự thay đổi về mức độ hứng thú học tập sau thực nghiệm

Sau 8 tuần triển khai thực nghiệm sư phạm, phiếu khảo sát hứng thú học tập đã được phát lại cho học viên ở cả hai nhóm. Để đánh giá hiệu quả của biện pháp đa dạng hóa hoạt động khởi động, dữ liệu sau thực nghiệm được so sánh giữa Nhóm thực nghiệm (EG) và Nhóm đối chứng (CG) bằng kiểm định t-test độc lập (Bảng III).

Bảng III. So sánh mức độ hứng thú học ngữ âm của hai nhóm sau thực nghiệm

Chỉ số đo lường	Nhóm Thực nghiệm (EG, N=32)	Nhóm Đối chứng (CG, N=32)	Giá trị t	Giá trị p	Ý nghĩa thống kê (p)
Hứng thú Nhận thức (Likert 1-5)	4.15 (SD = 0.45)	2.52 (SD = 0.52)	13.411	< 0.001	Khác biệt cực kỳ ý nghĩa
Hứng thú Cảm xúc (Likert 1-5)	4.32 (SD = 0.38)	2.38 (SD = 0.61)	15.195	< 0.001	Khác biệt cực kỳ ý nghĩa
Hứng thú Hành vi (Likert 1-5)	4.08 (SD = 0.41)	2.30 (SD = 0.48)	15.932	< 0.001	Khác biệt cực kỳ ý nghĩa

Bảng III minh chứng một sự thay đổi sâu sắc và mang tính đột phá về mức độ hứng thú học tập của học viên nhóm thực nghiệm. Chỉ số hứng thú nhận thức của EG tăng vọt lên 4.15, cảm xúc đạt mức 4.32, và hành vi đạt 4.08. Trong khi đó, nhóm đối chứng vẫn duy trì mức hứng thú rất thấp (Nhận thức: 2.52, Cảm xúc: 2.38, Hành vi: 2.30). Kiểm định t-test độc lập sau thực nghiệm cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm là cực kỳ lớn và đạt ý nghĩa thống kê tối cao ($p < 0.001$) ở cả ba khía cạnh hứng thú. Ngoài ra, kết quả so sánh trước - sau bằng Paired-samples t-test trong nội bộ nhóm thực nghiệm (EG) cũng khẳng định sự cải thiện vượt bậc có ý nghĩa thống kê ($t_nhan_thuc = 11.85$, $t_cam_xuc = 14.21$, $t_hanh_vi = 15.10$, $p < 0.001$); trong khi nhóm đối chứng không ghi nhận sự thay đổi có ý nghĩa thống kê nào trước và sau 8 tuần ($p > 0.05$). Giả thuyết nghiên cứu hoàn toàn được xác nhận.

4.3. Kết quả phân tích định tính từ quan sát và phỏng vấn sâu

Dữ liệu từ biên bản quan sát lớp học chỉ ra rằng ở nhóm thực nghiệm (EG), tỷ lệ học viên tham gia tích cực vào hoạt động đạt trung bình 92% mỗi tiết, thời gian chuyển tiếp từ trạng thái tự do sang học tập rút ngắn từ 4.5 phút xuống còn dưới 1.5 phút. Trong khi đó ở nhóm đối chứng, không khí lớp học trầm lắng hơn, học viên có biểu hiện uể oải, mệt mỏi và mất trung bình 5 phút để ổn định tổ chức.

Phỏng vấn sâu học viên nhóm thực nghiệm mang lại các phản hồi vô cùng tích cực. Một học viên nam chia sẻ: "Trước đây em rất sợ giờ ngữ âm vì nó rất khô khan và em hay bị ngượng khi phát âm sai trước lớp. Nhưng từ khi thầy cho chơi trò chơi Minimal Pairs Bingo và đóng vai bộ đàm Cảnh sát Radio Alphabet ở đầu giờ, em thấy vui hẳn, không còn áp lực nữa và tự tin phát âm to rõ ràng hơn." Giảng viên trực tiếp giảng dạy tại nhóm thực nghiệm cũng phản hồi: "Việc áp dụng đa dạng hoạt động khởi động giúp tôi tiết kiệm năng lượng dẫn dắt lớp. Học viên hào hứng, cười nhiều hơn, kích hoạt cơ quan phát âm tốt hơn, từ đó việc dạy các lý thuyết khó ở phần sau trở nên dễ tiếp thu và suôn sẻ hơn rất nhiều."

V. THẢO LUẬN

Kết quả thực nghiệm cho thấy đa dạng hóa hoạt động khởi động có tác động tích cực đến hứng thú học ngữ âm tiếng Anh của học viên, phù hợp với bốn thành tố của mô hình ARCS của Keller. Các hoạt động đa dạng như âm nhạc, trò chơi và vận động giúp thu hút sự chú ý, giảm nhàm chán; các tình huống gắn với nghiệp vụ giúp tăng sự liên quan và nhận thức về giá trị thực tiễn của việc phát âm chính xác. Hoạt động được thiết kế từ dễ đến khó và tổ chức theo nhóm góp phần nâng cao sự tự tin, trong khi việc ghi điểm, nhận thưởng và trải nghiệm thành công tạo sự thỏa mãn và duy trì cảm xúc tích cực trong quá trình học.

Nghiên cứu góp phần cụ thể hóa cơ sở lý luận thành ngân hàng 15 hoạt động khởi động, phù hợp với đặc điểm tâm lý và bối cảnh đào tạo tại Học viện Cảnh sát Nhân dân.

Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế như quy mô mẫu nhỏ ($N = 64$), chỉ thực hiện trên học viên khóa D50 và thời gian thực nghiệm 8 tuần, nên khả năng khái quát hóa và đánh giá hiệu quả lâu dài còn hạn chế. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng mẫu, kéo dài thời gian can thiệp và thực hiện đánh giá sau can thiệp để kiểm chứng tính bền vững của kết quả.

VI. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa hoạt động khởi động trong giờ học ngữ âm tiếng Anh là một giải pháp đơn giản, chi phí thấp nhưng mang lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao hứng thú học tập trên các phương diện nhận thức, cảm xúc và hành vi, đồng thời hỗ trợ cải thiện kết quả học tập. Điều này cho thấy những điều chỉnh nhỏ nhưng sáng tạo và có chủ đích trong phương pháp giảng dạy có thể tạo ra những chuyển biến tích cực và bền vững.

Từ kết quả nghiên cứu, đối với giảng viên, cần chủ động xây dựng ngân hàng hoạt động khởi động đa dạng, phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm của học viên; đồng thời tạo môi trường tâm lý an toàn, khuyến khích học viên mạnh dạn thực hành thay vì quá chú trọng sửa lỗi.

Đối với Học viện và Khoa Ngoại ngữ, cần xây dựng tài liệu hướng dẫn về hoạt động khởi động gắn với nghiệp vụ Cảnh sát, tăng cường chia sẻ kinh nghiệm và tổ chức sinh hoạt chuyên môn. Bên cạnh đó, cần đầu tư thiết bị nghe nhìn và không gian học tập linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động khởi động hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bui, Thi Ngoc Lan. "A Study of the English Pronunciation of Vietnamese Students at University of Phan Thiet". The University of Phan Thiet Journal of Science, vol. 2, no. 2, Mar. 2024, pp. 103-15, https://tapchikhoahocupt.vn/index.php/uptjs/article/view/12.

Ut, Nguyen Van, "Issues with English pronunciation instruction for student in Vietnam," Journal of Educational Equipment, vol. 308, pp. 83-85, 2024.

P. Robertson and J. Acklsm, "The warm-up activity in English language classrooms," ELT Journal, vol. 54, no. 1, pp. 30-36, 2000.

M. C. Pennington, Phonology in English Language Teaching. London: Longman, 1996.

J. M. Keller, "Development and use of the ARCS model of motivational design," Journal of Instructional Development, vol. 10, no. 3, pp. 2-10, 1987.

J. M. Keller and S. Kopp, "An application of the ARCS model of motivation to instructional design," in Instructional Theories in Action, C. M. Reigeluth, Ed. Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates, 1987, pp. 289-320.

Le, Thach Son, and Thanh Trung Nguyen. "English Pronunciation Difficulties Facing EFL Students: A Case Study at Tra Vinh University, Vietnam." Tra Vinh University Journal of Science, vol. 14, no. 3, 2024, https://doi.org/10.35382/tvujs.14.3.2024.3.

G. Kelly, How to Teach Pronunciation. Harlow: Longman, 2000.